

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 2 tháng 02

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 16 – 17/02/2023

Ngày cung cấp TT: 18/02/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công tươi đóng, công tiêu mở.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Đập La Chợ.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2: Các vị trí đạt giới hạn trên, **Cống Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Cổng Vĩnh Trị, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Sông Chanh, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh).**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh S48, Đầu kênh T6.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Cầu Chủ (sông Châu Giang)**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 98%, gió ĐDB 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng.	6.93	36.3	4.61	0.2	0.713	287	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Mục nước trung bình. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.							
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 98%, gió ĐDB 15 km/h. Không có dòng chảy. Trạm bơm đang bơm lấy nước tưới từ sông Châu Giang. Cổng lấy nước từ sông Hồng vào đang đóng. Nước màu xanh lục.	7.34	24.3	6.19	0.1	0.095	204	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, có sương mù, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 99%, gió ĐDB 17 km/h. Không có dòng chảy bên công tưới, cống tiêu mở. Trạm bơm không hoạt động. Cổng tưới đóng, cống tiêu mở tiêu nước ra sông Đào.	7.3	25.4	6.32	0.1	0.068	240	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Nước màu xanh lục.							
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 16 km/h. Dòng chảy nhanh. Cống mở tiêu nước từ kênh tiêu ra sông, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	6.99	47.4	4.7	0.5	2.318	680	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 99%, gió Bắc 11 km/h. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Cống đóng, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.12	37	5.2	0.3	0.164	569	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 99%, gió Bắc 11	6.95	29.2	5.8	0.3	0.146	528	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
		Thanh Liêm.	km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu nâu đục.							
7	Cống Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 98%, gió ĐDB 13 km/h. Không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động, cống đóng. Nước màu nâu đục.	7.02	16.7	5.7	0.3	0.117	539	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trung bình. Trạm bơm không hoạt động.	6.98	22.1	5.03	0.3	1.058	527	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Nước màu vàng lục.							
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 96%, gió ĐĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu Sông Chanh. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	6.95	14.7	4.21	0.4	0.284	517	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 16 km/h. Dòng chảy chậm. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.05	20.3	4.18	0.7	2.970	887	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 16 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra Vĩnh Trị, mực nước trung	7.05	27.4	4.7	0.4	1.463	524	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			bình. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.							
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 99%, gió ĐDB 12 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Mực nước cao. Thượng lưu và hạ lưu đập dồn ứ nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.1	38.7	4.13	0.3	1.836	410	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 98%, gió ĐDB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở. Mực nước thấp. Nước màu xanh lục.	7.1	25	4.2	0.4	1.634	495	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 99%, gió ĐDB 14 km/h.	7.2	40	6.61	0.1	0.083	249	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước màu vàng nâu.							cho phép A1
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 15 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu xanh đen.	7.03	19.6	3.1	0.5	0.185	672	Giá trị chỉ tiêu DO thấp hơn (không đạt) giới hạn cho phép B1
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 98%, gió ĐDB 14 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước trung bình. Nước màu vàng nâu.	6.95	27.1	4.19	0.3	0.736	406	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 16 km/h.	6.9	17.2	1.2	0.5	2.835	483	Giá trị chỉ tiêu DO thấp hơn (không đạt) giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Dòng chảy rất chậm hướng về Hữu Bị. Mực nước trung bình. Dưới sông nhiều bèo và các bè rau muống. Có nhiều rác thải chăn nuôi đổ xuống sông. Nước màu xanh đen.							
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 99%, gió Bắc 10 km/h. Dòng chảy chậm về phía Cổ Đam. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	6.94	37.9	5.1	0.3	0.205	532	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 16 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra Sông Chanh. Mực nước trung bình. Kênh tiếp nhận nước thải từ KCN Bảo Minh.	7.61	16.8	4.4	3.3	11.925	4000	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			Nước màu vàng lục.							
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 99%, gió ĐĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu xanh. Mực nước thấp.	6.97	26.7	3.81	0.4	1.440	513	Giá trị chỉ tiêu DO thấp hơn (không đạt) giới hạn cho phép B1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2023

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC

